

Bản án số: 18/2024/HNGĐ- ST

Ngày: 19-4-2024

V/v "ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Minh và bà Vũ Thị Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Mạc Thị Thủy- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Loan- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 28/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2024 về việc "ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXX-ST ngày 03 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1973

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1963

Đều có địa chỉ: Khu dân cư G, phường T, thành phố C, tỉnh Hải Dương

(Chị H, anh K đều vắng mặt và có đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17-01-2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn K được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương từ ngày 17/02/1994 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau ở khu dân cư G, phường T, thành phố C. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, đến đầu năm 2017 anh

chị nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong việc làm ăn và chăm sóc con cái. Anh **K** thường xuyên tự quyết định mọi việc trong gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Từ năm 2021 vợ chồng đã sống ly thân với nhau, không ai quan tâm đến ai. Chị **H** đề nghị Tòa án không công nhận anh chị là vợ chồng.

Về con chung: Anh chị 01 con chung là **Nguyễn Văn T** sinh ngày 21/6/1994, hiện đã trưởng thành nên không đề nghị giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn **Nguyễn Văn K** trình bày: Anh và chị **Nguyễn Thị H** được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương từ cuối năm 1993 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nguyên nhân là do thiếu hiểu biết pháp luật. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau ở **khu dân cư G, phường T, thành phố C**. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, đến năm 2017 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong việc làm ăn và chăm sóc con cái nên đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị **H** yêu cầu Tòa án không công nhận anh chị là vợ chồng anh đồng ý vì anh xác định hai bên không thể chung sống cùng nhau được.

Về con chung: Anh chị 01 con chung là **Nguyễn Văn T** sinh ngày 21/6/1994, hiện đã trưởng thành nên không đề nghị giải quyết.

Về tài sản chung: Anh xác định hai bên đã tự thỏa thuận thống nhất với nhau nên anh không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa. Chị **H** và anh **K** cùng giữ nguyên quan điểm không yêu cầu khác.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo quy định của Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, 14, 15 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, Luật án phí, lệ phí, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H. Không công nhận chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn K là vợ chồng.

- Về con chung: Anh chị 01 con chung là Nguyễn Văn T sinh ngày 21/6/1994 hiện nay đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

- Án phí: chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu xin ly hôn Nguyễn Văn K. Anh K có đăng kí hộ khẩu thường trú tại khu dân cư G, phường T, thành phố C, tỉnh Hải Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh theo quy định tại Điều 28; Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị H, anh K đã được triệu tập hợp lệ và có đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt anh chị .

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn K được tự nguyện tìm hiểu có tổ chức cưới hỏi của địa phương từ năm 1993 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình nên không có giá trị về mặt pháp lý. Nay chị Nguyễn Thị H đề nghị Tòa án không công nhận chị và anh K là vợ chồng. Anh Nguyễn Văn K xác định quá trình chung sống và mâu thuẫn của anh chị như chị H trình bày là đúng, anh nhất trí yêu cầu của chị H, đề nghị Tòa án tuyên bố anh và chị H không phải là vợ chồng. Do vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, căn cứ theo quy định tại Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn K là vợ chồng.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung Nguyễn Văn T, sinh năm 1994, đã trên 18 tuổi, trưởng thành, khỏe mạnh nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh K cùng không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra việc giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, 14, 15 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, Luật án phí, lệ phí, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn K là vợ chồng.

2. Về con chung: Anh chị 01 con chung là Nguyễn Văn T sinh ngày 21/6/1994 hiện nay đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra việc giải quyết.

4. Án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 003822 ngày 22 tháng 01 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Chí Linh. Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Chí Linh;
- Dương sự;
- UBND phường Tân Dân, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- Lưu hồ sơ, Tòa án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nguyệt

